

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020 /KDTM- PT

Ngày 09- 6-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền;

Ông Đặng Văn Quyết.

-Thư ký phiên tòa:Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Giáp Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01A/2020/KDTM- PT ngày 10/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2019/KDTM – ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐ-PT ngày 20/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐ-PT ngày 21/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐ – PT ngày 18/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần K

Địa chỉ: Số 191 phố B, phường L, quận H, Hà Nội, do bà Hoàng Thị Kim A, cán bộ Ngân hàng đại diện theo ủy quyền (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng công trình giao thông A (Sau đây viết tắt là Công ty A).

Địa chỉ trụ sở: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Vũ Trí P, sinh năm: 1976 Giám đốc Công ty (vắng mặt); Ông Vũ Trí P ủy quyền cho chị Vũ Thị N, sinh năm: 1979 đại diện theo giấy ủy quyền ngày 20/4/2020.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Phúc N, sinh năm 1974 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt);
3. Anh Đào Văn N, sinh năm 1993 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1936 (vắng mặt);
5. Anh Vũ Trí P, sinh năm 1976 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
6. Ông Vũ Trí Kỳ, sinh năm 1958 (vắng mặt);
Địa chỉ : Thôn N, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
7. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1960 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
8. Ông Vũ Trí T, sinh năm 1963 (vắng mặt);
9. Ông Vũ Trí T1, sinh năm 1966 (đã chết ngày 25/4/2019).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Vũ Trí T1:

10. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1972 (Vợ ông T1) (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
11. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1936 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
12. Ông Vũ Trí M, sinh năm 1968 (vắng mặt);
13. Ông Vũ Trí H, sinh năm 1973 (vắng mặt);
14. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1979 (có mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
15. Ông Vũ Trí C, sinh năm 1971 (vắng mặt);
Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
16. Văn Phòng Công chứng M (Nay đổi tên thành VPCC Nguyễn Văn N).
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Trưởng văn phòng (vắng mặt);
* Đương sự có kháng cáo Công ty A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2018, các biên bản khai và diễn biến tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Kim A, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần k (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho Công ty A theo 02 Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 54/HĐHMTD/TCB-BGN ngày 19/7/2012 và số 83/HĐHMTD/TCB-BGN 05/9/2012.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), mục đích kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Để đảm bảo cho các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng tín dụng hạn mức số 54/HĐHMTD/TCB-BGN ngày 19/7/2012 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 83/ HĐHMTD/TCB-BGN ngày 05/9/2012, Công ty A đã dùng tài sản bảo đảm của bên thứ ba để bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất diện tích 99m², trong đó có 34,3m² nằm trong hành lang an toàn giao thông (HLATGT) tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/3/2010 cho Ông Đào Phúc N và Bà Nguyễn Thị L.

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất có diện tích 1.610m² tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2000 cho hộ Bà Nguyễn Thị T.

- Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã trả Ngân hàng được tổng số tiền: 146.756.902 đồng, trong đó tiền gốc 30.376.910 đồng, tiền lãi 116.379.992 đồng. Do Công ty A không thực hiện tiếp được việc trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ mặc dù Ngân hàng đã thông báo trả nợ nhiều lần nhưng Công ty A vẫn không thanh toán được nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Công ty A trả nợ tính đến ngày 08/11/2019 tổng số tiền nợ gốc: 969.623.090 đồng, tổng nợ lãi: 951.623.899 đồng, tổng nợ: 1.921.246.989 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 09/11/2019 đến khi thanh toán xong. Trường hợp Công ty A không thanh toán, đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện phần phí phạt 15.979.738 đồng và rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất diện tích 1.610m² tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp cho hộ Bà Nguyễn Thị T.

- *Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn Công ty A do Ông Vũ Trí P làm giám đốc đại diện trình bày:* Do Công ty A cần một số vốn để phát triển kinh doanh nên Công ty có vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 54/HĐHMTD/TCB-BGN ngày 19/7/2012 và Hợp đồng tín dụng số 83/HĐHMTD/TCB-BGN ngày 05/9/2012. Công ty A đã nhận được số tiền giải ngân là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Ngoài ra còn ký các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất

12%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Để đảm bảo cho nghĩa vụ tại các hợp đồng tín dụng Công ty A đã dùng tài sản bảo đảm của bên thứ ba là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất diện tích 99m², trong đó có 34,3m² nằm trong HLATGT tại thôn Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/3/2010 cho Ông Đào Phúc N và Bà Nguyễn Thị L; Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất có diện tích 1.610m² tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2000 cho hộ Bà Nguyễn Thị T.

Ngân hàng khởi kiện ông có trách nhiệm trả nợ nhưng đề nghị Ngân hàng dừng tính lãi kể từ khi hết hạn hợp đồng và miễn các phí phạt cho công ty.

- Tại các lời khai và quá trình xét xử tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đào Phúc N và chị Nguyễn Thị L thống nhất trình bày: Ngày 19/7/2012 anh, chị có ký hợp đồng thế chấp số 54/HĐTC-BDS/TCB-BG dùng tài sản của vợ chồng là thửa đất có diện tích 99m², trong đó có 34,3m² nằm trong HLATGT và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho Công ty A tại Hợp đồng tín dụng số 54/HĐHMTD/TCB-BGN ngày 19/7/2012 và Hợp đồng tín dụng số 83/HĐTD-BGN ngày 05/9/2012. Nay Công ty A phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền Ngân hàng để trả lại tài sản bảo đảm cho anh, chị. Nếu như Công ty A không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì anh, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị L khai: Thửa đất diện tích 99m², trong đó có 34,3m² nằm trong HLATGT tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vợ chồng chị mua từ năm 2003 khi đó cháu Đào Văn N là con trai chị còn nhỏ chưa có đóng góp gì. Đến năm 2010 vợ chồng chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây nhà thì cháu Nam đã đi làm và gửi tiền cho chị mỗi tháng khoảng 4-5 triệu để xây nhà. Nên tài sản là nhà có đóng góp của cháu Nam. Khi ký hợp đồng thế chấp năm 2012 vợ chồng chị có thể chấp toàn bộ nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất với Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguồn gốc thửa đất có diện tích: 1.610m² tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp GCNQSDĐ ngày 01/12/2000 cho hộ Bà Nguyễn Thị T là tài sản chung của bà và các con bà. Ngày 20/8/2012 bà có cùng anh Phong con trai bà tự nguyện ký hợp đồng thế chấp số 54-01/ HĐTC/-BDS/TCB-BG ngày 20/8/2012 để bảo đảm cho khoản vay của Công ty A tại các

hợp đồng tín dụng. Nay Công ty A phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền Ngân hàng. Nếu không trả được thì bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Trí K, anh Vũ Trí H, Anh Vũ Trí P và chị Vũ Thị N trình bày: Ngày 20/8/2012 bà T và anh P có ký hợp đồng thế chấp số 54-01/ HĐTC/-BDS/TCB-BG ngày 20/8/2012 để bảo đảm cho khoản vay của Công ty A tại các hợp đồng tín dụng. Tài sản bảo đảm là thửa đất có diện tích: 1.610m² tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp GCNQSDĐ ngày 01/12/2000 cho hộ Bà Nguyễn Thị T. Ông và các em ông đều xác nhận nguồn gốc tài sản thế chấp là tài sản chung của bà T và các con nên việc Ngân hàng thẩm định tài sản để cho Công ty A vay tiền không đúng quy định, không có chữ ký của ông và các em ông. Công ty A phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền Ngân hàng.

- Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Phòng Công chứng M đã đổi tên thành Văn phòng công chứng Nguyễn Văn N do ông Nguyễn Văn N trưởng văn phòng đại diện trình bày:

Ngày 19/7/2012 Văn Phòng Công chứng M đã công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần k và bên thế chấp là Ông Đào Phúc N và Bà Nguyễn Thị L và ngày 20/8/2012 đã công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Ngân hàng với Bà Nguyễn Thị T và Ông Vũ Trí P. Tại thời điểm công chứng, Văn phòng công chứng căn cứ vào thông tin và hồ sơ do người yêu cầu công chứng cung cấp. Qua xem xét, kiểm tra Văn phòng công chứng thấy đầy đủ và đã thực hiện công chứng theo quy định. Giữa Ngân hàng và Công ty A xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, bản án số: 03/2019/KDTM – ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 147, 227, 228 Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 342, 343, 347, 348, 351, 355 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 3, điều 7 của Nghị quyết số 42/2017 QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng công trình giao thông A thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần k số tiền: Nợ gốc: 969.623.090 đồng, nợ lãi: 951.623.899 đồng. Tổng nợ: 1.921.246.989 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi một triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng) tính

đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 và tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tiếp theo 09/11/2019 đến khi thanh toán xong.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, không thanh toán được bằng tiền cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 54/HĐTC-BDS/TCB-BG ngày 19/7/2012, tài sản gồm: Thửa đất có diện tích 99m², trong đó có 34,3m² nằm trong HŁATGT và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và tài sản phát sinh trên đất tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang của Ông Đào Phúc N và Bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 12/12/2019 Ông Vũ Trí P là người đại diện theo pháp luật của Công ty A nộp đơn kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm. Công ty A đồng ý trả nợ nhưng không đồng ý trả ngay mà trả dần hàng tháng; không đồng ý tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký đến khi thanh toán xong như bản án sơ thẩm đã tuyên;

Tại phiên Toà phúc thẩm, chị Vũ Thị N đại diện theo ủy quyền của Ông Vũ Trí P không rút kháng cáo, đại diện Ngân hàng không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Vũ Thị N đại diện theo ủy quyền của Ông Vũ Trí P trình bày: Hiện tại Ông Vũ Trí P sức khỏe yếu phải đi chữa bệnh, Công ty A do Ông Vũ Trí P làm giám đốc gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Theo nội dung án sơ thẩm tuyên, Công ty A đồng ý về số nợ gốc 969.623.090 đồng, nợ lãi: 951.623.899 đồng. Tổng nợ: 1.921.246.989 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi mốt triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019, Công ty A đồng ý trả nợ nhưng đề nghị Ngân hàng cho trả dần và dừng tính lãi kể từ khi hết hạn hợp đồng.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Ngân hàng đã cấp tín dụng cho Công ty A theo 02 Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 54/HĐHMTD/TCB-BGN ngày 19/7/2012 và số 83/HĐHMTD/TCB-BGN ngày 05/9/2012. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), mục đích kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Để đảm bảo cho các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng tín dụng hạn mức số 54/HĐHMTD/TCB-BGN ngày 19/7/2012 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 83/

HĐHMTD/TCB-BGN ngày 05/9/2012, Công ty A đã dùng tài sản bảo đảm của bên thứ ba để bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất diện tích 99m², trong đó có 34,3m² nằm trong HLATGT tại thôn Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/3/2010 cho Ông Đào Phúc N và Bà Nguyễn Thị L.

- Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã trả Ngân hàng được tổng số tiền: 146.756.902 đồng, trong đó tiền gốc 30.376.910 đồng, tiền lãi 116.379.992. Do Công ty A không thực hiện tiếp việc trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ mặc dù Ngân hàng đã thông báo trả nợ nhiều lần nhưng Công ty A vẫn không thanh toán được nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Công ty A trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc Công ty A trả nợ Ngân hàng tính đến ngày 08/11/2019 số tiền nợ gốc: 969.623.090 đồng, nợ lãi: 951.623.899 đồng, tổng nợ: 1.921.246.989 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 09/11/2019 đến khi thanh toán xong. Trường hợp Công ty A không thanh toán, đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng. Công ty A đề nghị được trả nợ dần và miễn lãi, Ngân hàng không đồng ý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đúng đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của Công ty A là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Công ty A phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Đào Phúc N, Bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hai lần hợp lệ nhưng vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không liên quan đến kháng cáo là anh Đào Văn N, bà Nguyễn Thị T, ông Vũ Trí K, Bà Vũ Thị L, ông Vũ Trí T, Ông Vũ Trí T1, Bà Bùi Thị N, Bà Nguyễn Thị T, Ông

Vũ Trí M, Ông Vũ Trí H, bà Vũ Thị N, Ông Vũ Trí C, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Vũ Trí P là người đại diện theo pháp luật của Công ty A về yêu cầu được trả dần số tiền gốc còn nợ, Hội đồng xét xử thấy: Theo thỏa thuận các bên đã ký kết tại Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 54/HĐHMTD/TCB - BGN ngày 19/7/2012, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ kèm theo hợp đồng, số tiền nhận nợ: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 14/9/2013, nghĩa vụ trả nợ của bên B được thực hiện một lần: “Bên B phải trả hết nợ gốc khoản vay vào ngày đến hạn của khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ” (mục 6.2 Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 54, mục 5 của khế ước nhận nợ số 54-08 ngày 14/5/2013). Tại khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 83, số tiền nhận nợ: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/12/2013, kỳ hạn trả nợ gốc: Trả nợ một lần: “Bên nhận nợ phải trả hết nợ gốc khoản vay vào ngày đến hạn trả nợ cuối cùng.

[2.2] Về nội dung kháng cáo không đồng ý chịu lãi theo hợp đồng đã ký kết. Hội đồng xét xử thấy: Tại điểm 12.2.3 Điều 12 của Hợp đồng cung cấp tín dụng số 54/HĐHMTD/TCB – BGN ngày 19/7/2012, các bên đã thỏa thuận: Bên B có nghĩa vụ trả nợ (gốc và lãi), phí, chi phí và các khoản đến hạn khác đầy đủ và đúng hạn cho bên A, trường hợp không trả đúng hạn bên B phải trả lãi cho số tiền chậm thanh toán theo lãi suất quá hạn quy định tại Điều 5 của hợp đồng; Tại điểm 9.4 Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 83 – 05 ngày 08/8/2013 các bên đã thỏa thuận: “Trong trường hợp bên nhận nợ chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, phạt, nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, bên nhận nợ phải chịu phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng, đồng thời phải thanh toán lãi suất quá hạn, phạt chậm trả trên số tiền chậm trả với mức lãi suất quá hạn, lãi suất phạt bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn tính trên số tiền nhận nợ và tiền lãi, phí, chi phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, đền bù phát sinh còn thiếu kể từ ngày đến hạn trả nợ”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Ngân hàng không đồng ý yêu cầu của Công ty A mà yêu cầu thực hiện đúng hợp đồng các bên đã ký kết nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty A được.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Công ty A không được chấp nhận nên Công ty A phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng công trình giao thông A do ông Vũ Trí P, chức danh: Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 342, 343, 347, 348, 351, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 3, điều 7 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTWQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng công trình giao thông A phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần k số tiền: Nợ gốc: 969.623.090 đồng, nợ lãi: 951.623.899 đồng. Tổng nợ: 1.921.246.989đ (Một tỷ chín trăm hai mươi một triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 và tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tiếp theo 09/11/2019 đến khi thanh toán xong.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng công trình giao thông A không thanh toán được bằng tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần k thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 54/HĐTC-BDS/TCB-BG ngày 19/7/2012, tài sản gồm: Thửa đất số 00 tờ bản đồ số 00 có diện tích 99m², trong đó có 34,3m² nằm trong hành lang an toàn giao thông và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và tài sản phát sinh trên đất tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA630974, ngày 01 tháng 3 năm 2010, số vào sổ: CH 00777/Số 520 QĐ – UBND mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Ông Đào Phúc N và Bà Nguyễn Thị L.

3. Án phí sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng công trình giao thông A phải chịu 69.637.409 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003666 ngày 26/12/2018 tại chi cục thi hành án huyện Lục Nam.

4. Án phí phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng công trình giao thông A phải chịu 2.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000đ đã nộp tạm ứng ghi tại biên lai số AA/2017/0004433 ngày 16/12/2019. Xác nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng công trình giao thông A đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần k chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ tài sản, xác nhận đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện L;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo